

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

THÔNG TƯ số 02/2001/TT-TCBĐ ngày 25/4/2001 hướng dẫn Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005 đối với hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành của Tổng cục Bưu điện.

Thực hiện Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005, Tổng cục Bưu điện hướng dẫn Điều 3 đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc quản lý chuyên ngành của Tổng cục Bưu điện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thông tư này hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành của Tổng cục Bưu điện. Tổng cục Bưu điện thực hiện quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bằng hai hình thức: cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu và cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn được quy định tại Mục IV Phụ lục số 3 Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Hàng hóa thuộc quản lý chuyên ngành của Tổng cục Bưu điện bao gồm:

a) Tem bưu chính, ấn phẩm tem, các mặt hàng tem bưu chính (sau đây được gọi là mặt hàng tem bưu chính);

b) Vật tư, thiết bị viễn thông (sau đây được gọi là hàng hóa viễn thông).

1.3. Tổng cục Bưu điện khuyến khích các tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa sản xuất, lắp ráp trong nước.

II. QUY ĐỊNH VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CẦN CÓ GIẤY PHÉP

2.1. Mặt hàng tem bưu chính:

2.1.1. Mặt hàng tem bưu chính cần có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:

a) Tem bưu chính:

- Tem;

- Błốc tem.

b) Ấn phẩm tem bưu chính:

- Tờ kỷ niệm;

- Bưu giản (Aerogramme);

- Phong bì in sẵn tem;

- Phong bì ngày phát hành đầu tiên (FDC);

- Bưu ảnh in sẵn tem;

- Bưu ảnh có dán tem đóng dấu ngày phát hành đầu tiên (Maximum Card).

c) Các mặt hàng tem bưu chính:

- Tài liệu có minh họa bằng tem bưu chính;

- Vật phẩm có sử dụng tem bưu chính.

2.1.2. Mặt hàng tem bưu chính được xuất khẩu, nhập khẩu phải bảo đảm không thuộc một trong các mặt hàng tem bưu chính sau:

a) Tổng cục Bưu điện không cho phép lưu hành, đình chỉ phát hành hoặc có quyết định thu hồi;

b) Có nội dung không lành mạnh, kích động, gây thù hằn giữa các dân tộc, trái với phong tục tập quán và pháp luật Việt Nam;

c) Đã bị khuyến cáo bởi Liên minh Bưu chính

thế giới (UPU), Hiệp Hội tem chơi thế giới (FIP), Hiệp Hội tem chơi Châu Á (FIAP) và không cho phép tham dự trong các triển lãm tem quốc tế.

2.1.3. Hồ sơ xin cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng tem bưu chính bao gồm:

a) Đơn xin phép xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Bản sao hợp lệ:

- Giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (đối với doanh nghiệp xuất, nhập khẩu) hoặc Quyết định thành lập hay Giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc Giấy chứng minh nhân dân hay Hộ chiếu (đối với cá nhân);

- Giấy mời tham dự triển lãm, hội nghị (nếu tham dự triển lãm, hội nghị);

- Hợp đồng thương mại hoặc tờ khai hải quan hoặc hóa đơn (invoice) liên quan đến lô hàng.

2.1.4. Không cần Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu trong những trường hợp sau:

a) Mặt hàng tem bưu chính trao đổi nghiệp vụ giữa Việt Nam với các nước thành viên Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) thông qua Văn phòng quốc tế của UPU mà Tổng cục Bưu điện ủy quyền cho Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam thực hiện với số lượng 650 chiếc cho mỗi chủng loại;

b) Mặt hàng tem bưu chính nêu tại điểm 2.1.1 khi xuất khẩu, nhập khẩu với tổng số các chủng loại dưới 500 chiếc.

Đối với các trường hợp này không cần giấy phép của Tổng cục Bưu điện mà chỉ làm thủ tục trực tiếp tại hải quan cửa khẩu.

2.2. Hàng hóa viễn thông:

2.2.1. Danh mục hàng hóa viễn thông nhập khẩu cần có giấy phép được quy định tại điểm 2 và 3 Mục IV Phụ lục số 3 của Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg gồm:

a) Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần số nằm trong khoảng từ 9KHz đến 400GHz, có công suất từ 60mW trở lên dùng trong nghiệp vụ viễn thông và các nghiệp vụ khác.

b) Thiết bị Rada, các thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến và thiết bị điều khiển xa bằng sóng vô tuyến.

2.2.2. Danh mục hàng hóa viễn thông nêu tại 2.2.1 được chi tiết như sau:

I	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong nghiệp vụ viễn thông
1	Thiết bị phát, thu - phát sóng dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện cố định hoặc lưu động mặt đất.
2	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh
3	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện nghiệp dư
4	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng hải, lưu động hàng không (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)
II	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ khác
1	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá, phát thanh quảng bá
2	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát chuẩn (tần số, thời gian)
3	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa
4	Thiết bị Rada, thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến và thiết bị điều khiển xa bằng sóng vô tuyến

2.2.3. Hàng hóa viễn thông nhập khẩu phải bảo đảm:

a) Phù hợp với công nghệ, mạng lưới viễn thông Việt Nam và các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước, Tổng cục Bưu điện ban hành hoặc cho phép áp dụng;

b) Đối với thiết bị vô tuyến điện ngoài việc bảo đảm các yêu cầu nêu tại điểm a còn phải phù hợp với quy hoạch phổ tần số được quy định tại Quyết định số 85/1998/QĐ-TTg ngày 16/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện của Việt Nam cho các nghiệp vụ để sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên tần số vô tuyến điện;

c) Phù hợp với các tiêu chuẩn quản lý về phát xạ sóng vô tuyến điện, chống gây can nhiễu giữa các hệ thống thông tin.

2.2.4. Các thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện dùng trong nghiệp vụ viễn thông, khi nhập khẩu ngoài các điều kiện quy định tại điểm 2.2.3 còn phải bảo đảm mục đích sử dụng phù hợp với các quy định về quản lý viễn thông.

2.2.5. Hồ sơ xin cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa viễn thông gồm:

a) Đơn xin phép nhập khẩu;

b) Bản sao hợp lệ:

- Giấy chứng nhận đăng ký mã số doanh nghiệp xuất nhập khẩu (đối với doanh nghiệp xuất, nhập khẩu) hoặc Quyết định thành lập hay Giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc Giấy Chứng minh nhân dân hay Hộ chiếu (đối với cá nhân);

- Giấy chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị viễn thông (trừ trường hợp tạm nhập tái xuất để sử dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và các đoàn khách nước ngoài đến thăm Việt Nam theo lời mời chính thức của Chính phủ Việt Nam; trường hợp tạm nhập tái xuất của các cơ quan, tổ chức để trưng bày, triển lãm);

- Hợp đồng thương mại hoặc tờ khai hải quan hoặc hóa đơn (invoice) liên quan đến lô hàng.

2.3. Địa chỉ tiếp nhận và giải quyết cấp phép:

2.3.1. Tổng cục Bưu điện ủy quyền cho các Cục Bưu điện khu vực, Văn phòng Tổng cục Bưu điện (sau đây gọi là các Cục Bưu điện khu vực)

tiếp nhận và cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu cho hàng hóa quy định tại điểm 2.1.1 và 2.2.2. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ và giải quyết cấp giấy phép như sau:

a) Văn phòng Tổng cục Bưu điện, 18 Nguyễn Du - Hà Nội;

b) Cục Bưu điện khu vực II, 27 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh;

c) Cục Bưu điện khu vực III, 42 Trần Quốc Toản thành phố Đà Nẵng.

2.3.2. Tổng cục Bưu điện cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất theo đề nghị của các tổ chức, cơ quan ngoại giao được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, các đoàn khách quốc tế đến thăm Việt Nam theo lời mời chính thức của Chính phủ Việt Nam. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ và giải quyết cấp phép: Tổng cục Bưu điện, 18 Nguyễn Du - Hà Nội.

2.3.3. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu do các Cục Bưu điện khu vực cấp có giá trị trong phạm vi toàn quốc.

2.3.4. Giấy phép nhập khẩu hàng hóa viễn thông không có giá trị để thay thế Giấy phép thiết lập mạng viễn thông, Giấy phép sử dụng máy phát và tần số vô tuyến điện.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, các Cục Bưu điện khu vực sẽ cấp phép. Trong trường hợp đặc biệt hoặc từ chối cấp phép, các Cục Bưu điện phải có văn bản trả lời và thông báo lý do cho khách hàng.

2.5. Lệ phí cấp phép: Theo quy định của Bộ Tài chính.

III. QUY ĐỊNH VỀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VIỄN THÔNG CẦN CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

3.1. Danh mục hàng hóa viễn thông được quy định từ điểm 4 đến điểm 15 Mục IV Phụ lục số 3

của Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg được chi tiết như sau:

Số thứ tự	Danh mục
1	Tổng đài dung lượng lớn và nhỏ, thiết bị truy nhập mạng (sử dụng giao diện V 5.1 và V 5.2).
2	Tổng đài PABX.
3	Thiết bị truyền dẫn hữu tuyến.
4	Cáp sợi quang.
5	Cáp thông tin kim loại.
6	Thiết bị điện thoại không dây.
7	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng điện thoại công cộng (PSTN), mạng số liên kết đa dịch vụ (ISDN).
8	Máy telex.
9	Máy fax.
10	Máy nhắn tin.
11	Máy điện thoại di động.
12	Máy điện thoại thấy hình tốc độ thấp.

3.2. Hàng hóa viễn thông nêu tại điểm 3.1 nhập khẩu phải phù hợp với công nghệ mạng lưới viễn thông Việt Nam và các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước, Tổng cục Bưu điện ban hành hoặc cho phép áp dụng. Khi nhập khẩu cần có Giấy chứng nhận hợp chuẩn, không cần phải xin Giấy phép nhập khẩu. Trình tự, thủ tục, điều kiện chứng nhận hợp chuẩn được quy định tại Quyết định số 285/2000/QĐ-TCBD ngày 29/3/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện ban hành quy định chứng nhận hợp chuẩn vật tư, thiết bị bưu chính, viễn thông.

3.3. Giấy chứng nhận hợp chuẩn có giá trị tối

thiểu là 2 năm. Trong thời gian Giấy chứng nhận hợp chuẩn còn hiệu lực, hàng hóa được nhập khẩu theo các quy định của Giấy chứng nhận hợp chuẩn, không bị hạn chế về số lượng hoặc giá trị lô hàng.

3.4. Trường hợp nhập khẩu mang theo người hoặc gửi theo đường hàng hóa mỗi chủng loại một chiếc (1) đối với các loại thiết bị: Máy điện thoại cố định, máy Telex, máy Fax, máy điện thoại di động mặt đất cầm tay, máy điện thoại thấy hình tốc độ thấp, không cần Giấy chứng nhận hợp chuẩn chỉ làm thủ tục trực tiếp tại hải quan cửa khẩu.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

4.1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2001 và thay thế Thông tư số 01/2000/TT-TCBD ngày 20/3/2000 của Tổng cục Bưu điện hướng dẫn Quyết định số 242/1999/QĐ-TT ngày 30/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành xuất nhập khẩu năm 2000. Mọi quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

4.2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Tổng cục Bưu điện để giải quyết./.

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện
Phó Tổng cục trưởng

TRẦN ĐỨC LAI

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng